

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2021.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Nh** - sinh năm 1990; HKTT: Thôn TP, xã TQ, huyện NS, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Thôn LK, xã HC, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn Th** - sinh năm 1988; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn TP, xã TQ, huyện NS, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Trung Quốc.

- Người làm chứng: Bà Hoàng Thị G - sinh 1964 (mẹ đẻ anh Th).

Địa chỉ: Thôn TP, xã TQ, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

Chị Nh, anh Th và bà G đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Nh trình bày: Chị và anh Th kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TQ, huyện NS, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/12/2009 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Cuối năm 2010, anh Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị Nh ở nhà đi làm công ty và chăm sóc con cái, đến tháng 8/2011 thì anh Th về nước làm ăn, sinh sống. Vợ chồng tổ chức cuộc sống chung cho đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, dẫn đến cãi chửi nhau thường xuyên. Cuối năm 2012, vợ

chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng nên chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó anh Th không còn quan tâm đến mẹ con chị. Năm 2016, chị đi xuất khẩu lao động tại Malayxia và gửi con cho bố mẹ chị chăm sóc. Năm 2019, do hết hạn hợp đồng lao động chị về nước làm ăn kinh doanh, sinh sống và chăm sóc con cái đến nay. Chị xác định vợ chồng đã ly thân từ nhiều năm nay, không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần K N, sinh ngày 22/9/2010, hiện đang ở với chị. Nguyên vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Th tại Trung Quốc.

- Bà Hoàng Thị G (là mẹ đẻ anh Th) trình bày: Anh Th và chị Nh tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã TQ, huyện NS vào năm 2009. Sau kết hôn, chị Nh về sinh sống tại gia đình bà, anh chị tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc, vui vẻ. Cuối năm 2010, anh Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị Nh ở nhà đi làm công ty và chăm sóc con cái. Đến cuối năm 2011, anh Th về nước, anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, chị Nh đã đưa con về gia đình nhà đẻ ở. Từ đó anh chị sống ly thân, không còn quan tâm nhau và tự lo cuộc sống riêng, anh Th đã đi sang Trung Quốc từ cuối năm 2017 theo con đường vượt biên, hiện tại đang sống bất hợp pháp. Nay chị Nh xin ly hôn anh Th, gia đình bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Sau khi bà nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo qua điện thoại cho anh Th biết về việc chị Nh làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Qua trao đổi anh Th không thông báo địa chỉ cụ thể cho bà biết nên bà không thể cung cấp địa chỉ hiện nay của anh Th cho Tòa án được, anh Th cũng không gửi ý kiến bằng văn bản về cho Tòa án được, nhưng đã có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn chung sống với chị Nh nữa nên nhất trí ly hôn và đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Th cũng nhất trí để chị Nh tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại công văn số 23597/QLXNC-P5 ngày 16/12/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh Trần Văn Th, sinh ngày 29/8/1988, chứng minh nhân dân số 142283908, khai địa chỉ tại xã TQ, huyện NS, tỉnh Hải Dương; đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số B3978931 ngày 30/3/2010 (hết hạn); có thông tin xuất cảnh ngày 28/10/2010, nhập cảnh ngày 13/8/2011 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu nêu trên.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nh là nguyên đơn và bà Gàng là mẹ đẻ anh Th đều xác định anh Th đi sang Trung Quốc từ cuối năm 2017 theo con đường vượt biên vì hai nước có biên giới giáp nhau. Hiện anh Th đang

sinh sống bất hợp pháp tại đất nước Trung Quốc không rõ địa chỉ cụ thể, đến nay chưa về Việt Nam. Đến nay bà Găng và chị Nh vẫn thường xuyên liên lạc bằng cách gọi điện và nhắn tin cho anh Th theo số điện thoại 00861356918993, số điện thoại này anh Th vẫn đang sử dụng và đăng ký Zalo có tên tài khoản “th24061990”. Đầu số 0086 là mã điện thoại quốc gia của Trung Quốc.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tổ tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Nh được ly hôn anh Trần Văn Th; Về con chung: Xử giao chị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần K N, sinh ngày 22/9/2010 cho đến khi con trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh.

Anh Trần Văn Th là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động bất hợp pháp tại Trung Quốc nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, tuy nhiên anh Th vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị Nh cũng như bà Hoàng Thị Găng (mẹ đẻ anh Th) cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Th nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh Th tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TQ, huyện NS, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/12/2009. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng nên chị Nh đã bỏ về gia đình nhà đẻ ở từ cuối năm 2012. Từ đó anh chị sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị Nh xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th, thông qua gia đình anh Th cũng xác định mâu

thuần vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Nh được ly hôn anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần K N, sinh ngày 22/9/2010, hiện đang ở với chị Nh. Nguyên vọng của chị Nh xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con và cam kết có đủ điều kiện để nuôi con đến khi trưởng thành. Xét thấy chị Nh hiện đang nuôi dưỡng cháu N vẫn bảo đảm về mọi mặt và cháu N có nguyện vọng xin được ở với mẹ; anh Th hiện đang ở nước ngoài cũng có quan điểm nhất trí để chị Nh tiếp tục được nuôi con. Do vậy cần giao chị Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu N và chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nh là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Nh được ly hôn anh Trần Văn Th.

2. Về con chung: Giao chị Phan Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Trần K N, sinh ngày 22/9/2010 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Nh phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0004791 ngày 26/11/2020. Chị Nh đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh Th đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã TQ, huyện NS, tỉnh Hải Dương (để nghị vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Minh Quang